

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**VIETNAM TANKER JOINT STOCK COMPANY**

12 Lê Duẩn – Phường Bến Nghé - Quận 1 - Tp.Hồ Chí Minh

Tel: (84.8)3822 2675 Fax: (84.8)3829 3848 Website: <http://www.vto.com.vn>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Giới thiệu tóm lược về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 2585/QĐ/BTM ngày 27/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Vận tải Xăng dầu VITACO thành Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO. Công ty chính thức hoạt động từ ngày 01/02/2006, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/02/2006, thay đổi lần 5 ngày 25/02/2010. Trụ sở Công ty đóng tại số 12 Lê Duẩn – Phường Bến Nghé – Quận 1 – Tp.Hồ Chí Minh, có 2 đơn vị trực thuộc:

- ♦ Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Thương mại VITACO, đóng tại 12 Lê Duẩn – Quận 1 – Tp.Hồ Chí Minh;
- ♦ Công ty TNHH một thành viên VITACO Đà Nẵng, đóng tại Lô B4-12 và B4-13 Ngô Quyền – Sơn Trà – Tp.Đà Nẵng;
 - ♦ Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên VITACO Đà Nẵng tại Nha Trang (VITACO Nha Trang). Trụ sở: 36 Trần Phú, Phường Vĩnh Nguyên, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
 - ♦ Văn phòng đại diện Công ty TNHH một thành viên VITACO Đà Nẵng tại Dung Quất. Trụ sở: Trạm Hoa tiêu Dung Quất tại Thôn Tuyệt Diêm 1, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi.

2. Niêm yết

Ngày 01/10/2007 Sở giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty được niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

- ♦ Mã chứng khoán: VTO
- ♦ Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- ♦ Mệnh giá: 10.000đ/cổ phiếu
- ♦ Số lượng CP niêm yết lần đầu: 40.000.000 cổ phiếu

- ♦ Số lượng CP niêm yết bổ sung lần 1 ngày 19/03/2008: 20.000.000 cổ phiếu
- ♦ Số lượng CP niêm yết bổ sung lần 2 ngày 09/02/2010: 19.866.666 cổ phiếu
- ♦ Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết: 79.866.666 cổ phiếu
- ♦ Tổng giá trị niêm yết: 798.666.660.000 đồng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Bao gồm các ngành nghề sau:

- ♦ Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển;
- ♦ Kinh doanh nhà ở;
- ♦ Môi giới bất động sản;
- ♦ Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hoá dầu;
- ♦ Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải đường biển;
- ♦ Dịch vụ hàng hải, đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển, cho thuê thuyền viên, môi giới hàng hải, lai dắt tàu biển;
- ♦ Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển;
- ♦ Cho thuê phương tiện vận tải xăng dầu đường thủy.

Thị trường vận tải xăng dầu bằng đường biển của Công ty hiện nay bao gồm các nước trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương từ Hàn Quốc, Trung Quốc đến Ấn Độ.

4. Mục tiêu kinh doanh hiện tại:

Phát triển mạnh mẽ đội tàu vận tải xăng dầu theo hướng hiện đại hóa, kết hợp cơ cấu lại năng lực vận tải cho phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành và của quốc gia. Mở rộng các hoạt động dịch vụ như đại lý, kinh doanh tái xuất xăng dầu, đào tạo đội ngũ sĩ quan thuyền viên hiện có và tăng cường tuyển dụng những thuyền viên có tay nghề cao từ các nguồn khác để nâng cao tính chuyên nghiệp đảm bảo khai thác đội tàu an toàn, hiệu quả.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá chung

Trong năm 2009 nền kinh tế nước ta vẫn tiếp tục ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, nền kinh tế tuy đã có tăng trưởng nhưng chưa tạo được đà để đưa nền kinh tế trở lại giai đoạn phát triển. Năm 2009 tuy giá dầu thô thế giới đã giảm và ổn định hơn so với năm 2008 nhưng giá dầu sản phẩm lại tăng và biến động khá phức tạp làm cho thị trường vận tải dầu sản phẩm vẫn tiếp tục gặp khó khăn. Doanh nghiệp vận tải biển còn phải đối mặt với những khó khăn do nguồn hàng vận chuyển không ổn định, luôn trong tình trạng khan hiếm, sức ép cạnh tranh giữa các doanh nghiệp vận tải biển và tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Cùng với những khó khăn kể trên thì vào thời

điểm tháng 11 năm 2009 Nhà nước điều chỉnh tỷ giá vnd/usd tăng khoảng 5% làm ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;

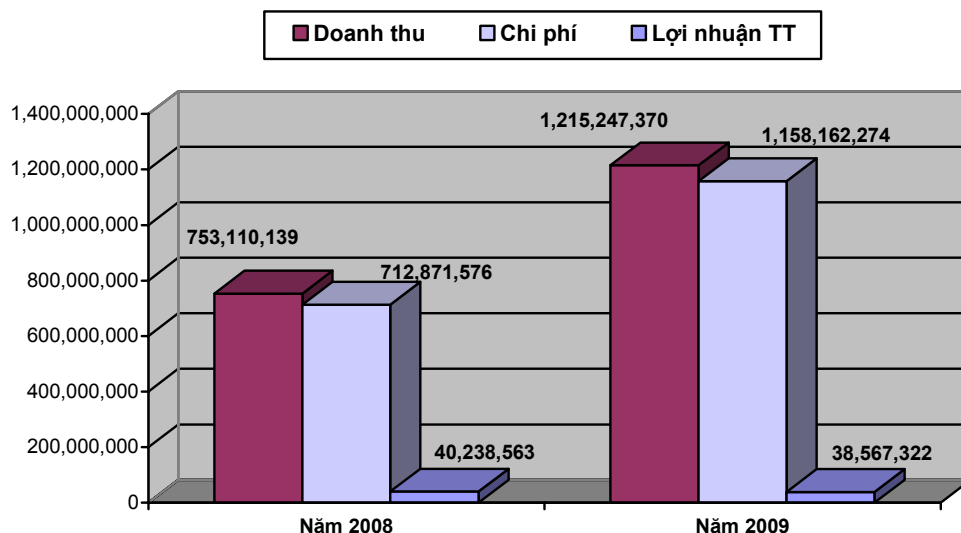
Tuy nhiên với sự cố gắng quyết tâm cao của Lãnh đạo Công ty, sự đồng lòng và nỗ lực của tất cả CBCNV, sự ủng hộ của các cổ đông, đặc biệt là sự hỗ trợ của cổ đông chi phối - Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tạo điều kiện tốt về nguồn hàng vận tải do vậy doanh thu năm 2009 đạt 1.215 tỷ đồng bằng 107,16% so với kế hoạch và 161,36% so với năm trước.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2009

Đơn vị tính: 1.000đ

Chỉ tiêu	Năm 2008	KH 2009	TH 2009	So sánh	
				TH 2008	KH 2009
Tổng doanh thu (*)	753,110,139	1,134,022,775	1,215,247,370	161,36%	107,16%
Tổng chi phí (*)	712,871,576	1,166,046,635	1,158,162,274	162,46%	99,32%
Lợi nhuận trước thuế	40,238,563	32,023,860	38,567,323	95,85%	120,43%

(*) Số liệu chưa loại trừ doanh thu, chi phí tiêu thụ nội bộ



3. Những thay đổi trong năm:

- Năm 2009 Công ty chủ trương không đầu tư lớn và tập trung khai thác hiệu quả đội tàu vận tải và phát triển các hoạt động dịch vụ.
- Do thị trường vận tải nói chung và vận tải xăng dầu nói riêng sau khủng hoảng đều tăng trưởng chậm, giá cước thấp khó bù đắp chi phí. Công ty chủ trương tập trung khai thác nguồn hàng của ngành để ổn định giá cước và tiếp tục tiết giảm tối đa các khoản chi phí. Được sự ủng hộ của Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam, Công ty đã ký hợp đồng cho thuê định hạn 4 tàu, tăng thêm 2 tàu so với năm 2008 và duy trì thời gian dài

để ổn định doanh thu, tiết giảm tối đa chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa bảo quản, vật tư phụ tùng và chi phí khoán 2 đầu bến;

- Thực hiện bảo quản và sửa chữa tàu đúng tiến độ, đảm bảo ngày tàu tốt cho tàu hoạt động. bảo quản và kiểm tra an toàn tàu, duy trì cấp tàu phù hợp với yêu cầu mới của công ước và các kho dầu lớn nước ngoài như : Shell, Chevron, Petronas, BP....
- Định mức lại mức tiêu hao nhiên liệu chạy máy cho từng tàu và bình quân giảm khoảng 15% so với định mức cũ, kết hợp và khai thác các tuyến hợp lý, tận dụng tối đa nguồn hàng 2 chiều để tăng hiệu quả;
- Chỉ đạo thực hiện hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 600 tỷ lên 800 tỷ đồng.

Tóm lại: Trong năm 2009 mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng được sự hỗ trợ của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, cũng như nỗ lực của Lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu đề ra, đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu vận tải của ngành, tiếp tục duy trì sự phát triển bền vững của Công ty và gia tăng lợi ích lâu dài cho cổ đông.

4. Kế hoạch năm 2010:

Năm 2010 nền kinh tế thế giới đã dần phục hồi sau khủng hoảng, trong điều kiện đó nền kinh tế Việt Nam sẽ có được những thuận lợi và tăng trưởng ở mức cao hơn. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn có thể phải đối mặt với những nguy cơ về lạm phát tăng cao trở lại, áp lực về lãi suất và tỷ giá. Dựa trên dự báo về nền kinh tế Thế giới và của Việt Nam, dựa trên chiến lược phát triển của VITACO, Hội đồng quản trị Công ty đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Đ/vị tính: 1.000đ

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2010
I	Tổng doanh thu	1.135.209.350
1	Doanh thu vận tải	824.461.750
2	Hoạt động kinh doanh khác	310.747.600
3	Hoạt động tài chính	-
II	Tổng chi phí	1.049.158.682
1	Kinh doanh vận tải	557.696.823
2	Hoạt động kinh doanh khác	294.720.480
3	Chi phí tài chính	196.741.379
III	Lợi nhuận	86.050.668
1	Kinh doanh vận tải	266.764.927
2	Hoạt động kinh doanh khác	16.027.120

3	Hoạt động tài chính	(196.741.379)
IV	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.126.483
VI	Lợi nhuận trước thuế	62.924.185
VII	Tỷ lệ trả cổ tức	5%

Giải pháp thực hiện:

- Tận dụng tối đa sự hỗ trợ của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam về nguồn hàng cho cả các tàu cho thuê định hạn (04 tàu) và cả cho các tàu cho thuê chuyển. Chủ động tiếp thị mở rộng thị trường tạo thêm nguồn hàng vận chuyển ngoài ngành. Duy trì sự ổn định và nâng cao chất lượng cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ khác (đại lý tàu biển, kinh doanh xăng dầu, lai dất,...)
- Quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các định mức nhiên liệu-vật tư, chi phí quản lý hành chính, thực hiện tiết giảm tối đa các khoản chi phí;
- Tăng cường công tác quản lý an toàn tàu Xây dựng hệ thống an toàn tàu ngày càng hoàn thiện, chủ động và đáp ứng được các yêu cầu của công ước quốc tế về tàu dầu;
- Tổ chức đào tạo huấn luyện nghiệp vụ và ngoại ngữ cho đội ngũ sỹ quan - thuyền viên đáp ứng yêu cầu kiểm tra an toàn của các hãng dầu nước ngoài, có khả năng vận hành các trang thiết bị hiện đại;
- Sắp xếp lực lượng lao động hợp lý và tinh gọn. Tuyển chọn lao động có tay nghề cao, giỏi ngoại ngữ bổ sung cho đội tàu biển viễn dương. Thực hiện chế độ trả lương theo chức danh công việc-hiệu quả công việc và kích thích - thu hút lao động có trình độ giỏi-tay nghề cao;
- Hoàn thành việc xây dựng và ban hành hệ thống ISO.

Năm 2010, để đạt được những chỉ tiêu đăng ký trên Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực hết sức mình trong việc định hướng chiến lược phát triển Công ty, tăng cường công tác quản trị, hỗ trợ sát sao hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1 Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0.56	0.33
- Hệ số thanh toán nhanh: <i>(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0.35	0.25

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.77	0.78
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3.38	3.62
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	13.98	17.00
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	22.07	36.56
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4.78	2.94
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5.14	4.67
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1.05	1.08
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	%	5.14	3.32

1.2 Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

- Hệ số thanh khoản ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của công ty đều giảm so với cùng kỳ năm trước, do năm 2009 công ty phát sinh khoản nợ đến hạn trả 368 tỷ đồng. Đầu năm 2010, Công ty đã phát hành thành công 19.866.666 cổ phiếu phổ thông tương đương giá trị 198,666 tỷ đồng, đây là khoản bù đắp quan trọng cho sự sụt giảm khả năng thanh toán của Công ty. Mặt khác, trong năm 2010, cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục được dự báo thuận lợi, khả năng thanh toán của Công ty sẽ được đảm bảo;
- Trong năm 2010, hoạt động khai thác đội tàu tiến triển thuận lợi tạo điều kiện để Công ty tái cấu trúc cơ cấu tài chính hiện hữu, giảm dần dư nợ vay, qua đó gia tăng lợi nhuận cho cổ đông Công ty.

Sự khởi sắc của nền kinh tế toàn cầu trong những tháng cuối năm:

Nhu cầu và giá cước vận tải nội địa và toàn cầu đã liên tục giảm trong những tháng cuối năm 2008 và đầu năm 2009. Tuy nhiên, trong những tháng còn lại của năm 2009 với sự phục hồi của nền kinh tế thế giới, hoạt động thương mại trong nước nói chung đã có những chuyển biến khả quan và tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh vận tải xăng dầu của Công ty trong năm 2009, tạo đà phát triển trong năm 2010.

Cạnh tranh trong ngành vận tải:

Kết quả lợi nhuận hấp dẫn của các doanh nghiệp vận tải xăng dầu trong những năm trước đây đã thu hút khá nhiều sự đầu tư vào lĩnh vực này dẫn đến sự cạnh tranh nhất định giữa các doanh nghiệp cùng ngành. Thị trường nội địa xuất hiện thêm nhiều phương tiện vận tải xăng dầu của một số đơn vị cùng ngành và các doanh nghiệp tư nhân với đội tàu nhỏ, chi phí đầu tư thấp nên có lợi thế trong cạnh tranh về giá cước

vận tải. Với chiến lược phát triển và tầm nhìn dài hạn VITACO đang tiếp tục củng cố thương hiệu đầu ngành dịch vụ vận tải xăng dầu, đồng thời liên tục duy tu bảo dưỡng nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất với mức phí cạnh tranh.

2. Thay đổi về vốn cổ phần:

Ngày 25 tháng 02 năm 2010 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300545501, điều chỉnh lần thứ 5 phê duyệt mức vốn điều lệ mới của Công ty là 798.666.660 ngàn đồng chia thành 79.866.666 cổ phần có mệnh giá 10.000đ/cổ phần.

3. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại tại thời điểm 19/03/2010

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 79.866.666 cổ phiếu
- Trong đó: - Cổ phiếu phổ thông 79.866.666 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi 0 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành theo từng loại:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 79.466.666 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 400.000 cổ phiếu
- Công ty không phát hành loại trái phiếu nào.

4. Năm 2009, Công ty dự kiến chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền là 4% mệnh giá (tương đương 400 đồng/cổ phần).

5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

5.1 Phân tích về hoạt động kinh doanh của Công ty:

Đv tính: 1.000đ

	THỰC HIỆN NĂM 2008	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN NĂM 2009	Tỷ lệ % thực hiện	
				Kế hoạch	Năm trước
Tổng doanh thu (*)	753,110,139	1,134,022,775	1,215,247,370	107,16	161,36
Lợi nhuận trước thuế	40,238,563	32,023,860	38,567,323	120,43	95,85

(*) Số liệu chưa loại trừ doanh thu, chi phí tiêu thụ nội bộ

5.2 Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu thực hiện được trong năm 2009 là 1.215 tỷ đồng, đạt 107,16% so với kế hoạch và tăng 61,36% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Doanh thu từ hoạt động thương mại đạt 235 tỷ đồng, tăng 27,48% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, cơ cấu doanh thu thương mại chuyển từ hoạt động bán nội địa (đạt 185 tỷ đồng trong năm 2008) sang hoạt động xuất khẩu, tái xuất và chuyển khẩu (đạt 209 tỷ đồng trong năm 2010);

- Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải tăng mạnh, năm 2009 đạt 920 tỷ đồng, tăng 69,87% so với cùng năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do hoạt động sản xuất kinh doanh gặp thuận lợi cùng với đà phục hồi của nền kinh tế trong nửa cuối năm 2009. Đồng thời, năm 2009 Công ty khai thác một số tàu mới làm tăng sản lượng vận chuyển trong năm 2009 lên 148,36% so với năm 2008.

5.3 Chỉ tiêu lợi nhuận:

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2009 đạt 38 tỷ đồng, đạt 120,43% so với kế hoạch và 95,85% so với cùng kỳ năm 2008;
- Xét về cơ cấu lợi nhuận, nguyên nhân gây sụt giảm lợi nhuận chủ yếu do kết quả từ hoạt động tài chính. Năm 2009, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính đạt 247 tỷ đồng, tăng 72% so với năm 2008. Tuy nhiên, khoản lỗ từ hoạt động tài chính trong năm 2008 là 208 tỷ đồng, tăng 98% so với cùng kỳ năm trước, đã làm giảm đáng kể khoản lợi nhuận trước thuế trong năm 2009 so với kế hoạch và cùng kỳ 2008.

	NĂM 2008	NĂM 2009	% THỰC HIỆN	TĂNG/ GIẢM (%)
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	40,239	38,567	0.96	-4%
- Lợi nhuận từ hoạt động KD chính	144,178	247,607	1.72	72%
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(105,454)	(208,872)	1.98	98%
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	1,515	(168)	(0.11)	-111%

- Xét về mặt chi phí, là do sự gia tăng chi phí khấu hao, chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá đối với các hợp đồng vay bằng ngoại tệ, và chi phí trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn. Cụ thể:

- Chi phí khấu hao năm 2009 là 275 tỷ đồng, tăng 87% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do VITACO đẩy mạnh hoạt động đầu tư mới tài sản cố định vào cuối năm 2008, một mặt làm gia tăng năng lực vận tải, mặt khác cũng làm tăng chi phí khấu hao của năm 2009 từ những tài sản tăng thêm;
- Chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện đối với các hợp đồng vay ngoại tệ trong năm 2009 là 41 tỷ đồng;
- Chi phí trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán năm 2009 là 20 tỷ đồng, đây là khoản đầu tư dài hạn mua cổ phần của Công ty cổ phần An Phú với mục đích là cổ đông chiến lược. Hiện tại Công ty Cổ phần An Phú vẫn hoạt động có hiệu quả cao, nhưng giá trị thị trường hiện đang thấp hơn giá trị đầu tư của VITACO nên Công ty vẫn trích lập dự phòng theo đúng quy định.

6. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

6.1 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Kiện toàn tổ chức hoạt động của Công ty, cập nhật, hoàn thiện các quy trình quy chế theo quy định;
- Tiến hành sắp xếp lại lực lượng lao động trong các đơn vị trên nguyên tắc gọn nhẹ và hiệu quả, giao các tàu ven biển cho Công ty con quản lý theo hướng tập trung chuyên môn hóa;
- Công tác điều độ trong năm được tổ chức tốt, mọi hoạt động của tàu đều được giám sát chặt chẽ. Công ty đã ký hợp đồng thuê định hạn dài trong 2 năm với Tổng Công ty nên duy trì mức tăng trưởng ổn định, đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

6.2 Các biện pháp kiểm soát

- Xây dựng các quy trình kiểm soát nội bộ, xây dựng hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO (9001, 14001, 18001) và đang áp dụng hệ thống quản lý an toàn hàng hải quốc tế theo ISM code;
- Quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, định mức lại tiêu hao nhiên liệu, vật tư, bảo quản bảo dưỡng nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh một cách tối ưu;
- Các nguồn vốn đã cơ cấu lại một cách hợp lý để giảm đến mức thấp nhất chi phí vốn vay.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VNĐ

TT	NỘI DUNG	31/12/2009	31/12/2008
I	Tài sản ngắn hạn	212.044.963.468	149.081.500.835
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	123.775.334.942	11.122.551.139
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.903.367.000	955.255.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	24.762.596.136	53.125.907.210
4	Hàng tồn kho	50.219.766.876	54.463.230.752
5	Tài sản ngắn hạn khác	11.383.898.514	29.414.556.734
II	Tài sản dài hạn	3.069.731.394.041	3.263.709.642.245
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	2.933.916.251.182	3.204.796.031.379
	- Tài sản cố định hữu hình	2.921.222.846.067	3.193.034.718.712
	- Tài sản cố định vô hình	11.677.633.616	11.677.633.616
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-

	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.015.771.499	83.679.051
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	40.250.000.000	57.975.000.000
5	Tài sản dài hạn khác	95.565.142.859	938.610.866
	- Chi phí trả trước dài hạn	95.551.142.859	
	- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	924.610.866
	- Tài sản dài hạn khác	14.000.000	14.000.000
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.281.776.357.509	3.412.791.143.080
IV	Nợ phải trả	2.496.735.632.819	2.633.771.339.976
1	Nợ ngắn hạn	641.694.339.461	529.866.157.800
2	Nợ dài hạn	1.855.041.293.358	2.103.905.182.176
V	Vốn chủ sở hữu	785.040.724.690	779.019.803.104
1	Vốn chủ sở hữu	785.040.724.690	779.019.803.104
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	600.000.000.000	600.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	(8.247.579.234)	(8.247.579.234)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	406.498.166	-
	- Quỹ đầu tư phát triển	147.455.152.777	141.229.770.539
	- Quỹ dự phòng tài chính	12.632.300.314	11.044.963.658
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32.794.352.667	34.992.648.141
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	970.501.300	482.410.446
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	970.501.300	482.410.446
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3.281.776.357.509	3.412.791.143.080

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm hợp nhất năm 2009

Đơn vị tính : VND

Stt	CHỈ TIÊU	NĂM 2009	NĂM 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.165.021.362.499	753.110.139.102
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-

3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.165.021.362.499	753.110.139.102
4	Giá vốn hàng bán	889.832.055.197	586.133.203.493
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	275.189.307.302	166.976.935.609
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.938.421.264	15.635.983.452
7	Chi phí tài chính	212.809.540.661	121.090.482.473
	<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	<i>150.793.511.354</i>	<i>94.244.959.730</i>
8	Chi phí bán hàng	2.904.979.989	2.401.111.501
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.677.631.408	20.397.868.954
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	38.735.576.508	38.723.456.133
11	Thu nhập khác	2.021.516.718	1.902.511.758
12	Chi phí khác	2.189.770.734	387.404.729
13	Lợi nhuận khác	(168.254.016)	1.515.107.029
14	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Cty liên kết, Ldoanh		-
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.567.322.492	40.238.563.162
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.348.358.959	5.170.525.887
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	924.610.866	(924.610.866)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.294.352.667	35.992.648.141
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	575	657

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

DIỄN GIẢI	MÃ SỐ	NĂM 2009	NĂM 2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H.ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước Thuế	01	38.567.322.492	40.238.563.162
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	274.612.542.319	147.165.804.724
Các khoản dự phòng	03	20.163.219.715	5.985.839.820
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	23.887.785.715	9.246.108.660
(Lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(1.807.928.474)	(15.596.137.452)
Chi phí lãi vay	06	150.793.511.354	94.244.959.730
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	506.216.453.121	281.285.138.644
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(30.018.368.066)	87.609.817.851
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	3.966.472.161	(25.092.379.389)

Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	177.250.649.677	(9.624.124.669)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	(75.324.027.980)	(26.727.699.125)
Tiền lãi vay đã trả	13	(127.500.671.960)	(76.172.197.409)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.031.166.967)	(2.735.484.554)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.385.994.393)	(9.912.289.030)
Lưu chuyển tiền thuần từ h.động kinh doanh	20	446.173.345.593	218.630.782.319
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H.ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.899.186.724)	(1.962.241.859.409)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.818.178	315.625.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	87.197.305.180
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.939.097.220)	(11.800.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	300.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	621.936.682	12.588.138.106
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.212.529.084)	(1.873.640.791.123)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H.ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	200.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(8.247.579.234)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	154.250.706.325	1.897.336.373.860
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(457.880.240.106)	(413.479.379.686)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.726.254.100)	(49.407.285.745)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(327.355.787.881)	1.626.202.129.195
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	112.605.028.628	(28.807.879.609)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	11.122.551.139	39.907.002.124
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	47.755.175	23.428.624
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	123.775.334.942	11.122.551.139

4. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2009

(theo báo cáo đã gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Đơn vị thực hiện công tác kiểm toán độc lập :

Công ty TNHH DELOILLE Việt Nam

Địa chỉ : Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3852 4123 Fax: (84-4) 3852 4143

Thực hiện kiểm toán cho Công ty năm 2009.

2. Ý kiến kiểm toán độc lập :

Số: 183 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Vitaco (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, báo cáo kiểm toán phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2009 với ý kiến ngoại trừ liên quan tới việc trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần An Phú.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các hạn chế kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán:

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 của Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đang theo dõi khoản đầu tư dài hạn mua cổ phần của Công ty Cổ phần An Phú với giá trị ghi sổ theo giá gốc là 53.500.000.000 đồng (625.000 cổ phiếu). Mặc dù cổ phiếu của Công ty Cổ phần An Phú chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và Công ty cũng không thu thập được các thông tin trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC) từ các công ty chứng khoán nhưng Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này đồng thời ghi nhận vào chi phí tài chính năm 2009 với số tiền 22.250.000.000 đồng. Do không thu thập được các bằng chứng đáng tin cậy để đánh giá giá trị dự phòng giảm giá cần phải trích lập đối với khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần An Phú nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị dự phòng đã trích lập nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đang theo dõi tài sản cố định vô hình đối với quyền sử dụng đất tại số 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 10.245.600.000 đồng. Tuy nhiên, do chưa xác định rõ thời gian sử dụng nên Công ty chưa trích hao mòn đối với tài sản cố định vô hình này. Do không thu thập được bằng chứng xác định thời hạn sử dụng của lô đất nên chúng tôi không có cơ sở đưa ra ý kiến về giá trị hao mòn cần trích lập cũng như ảnh hưởng của vấn đề này tới các khoản mục liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại

các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm 95.144.644.693 đồng, khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu và khoản mục “chi phí trả trước dài hạn” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm lần lượt là 406.498.166 đồng và 95.551.142.859 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC và đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 429.649.375.993 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 380.784.656.965 đồng). Tuy nhiên báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo vẫn được lập trên giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Trương Anh Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV
KTV

Đặng Văn Khải

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0758/

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2010

3. Ý kiến Ban Kiểm soát Công ty :

Thẩm định các chỉ tiêu tài chính

- Xác nhận báo cáo quyết toán tài chính năm 2009 của Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.
- Phản ánh các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán công nợ, quản lý và sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào chứng từ và sổ sách kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán.
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp, báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt nam. Báo cáo quyết toán tài chính của công ty mẹ và các công ty thành viên được kiểm toán bởi Cty TNHH DELOITTE VIET NAM kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán và quy định của Pháp luật.

Giám sát hoạt động của HĐQT và việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

- Các phiên họp của HĐQT, các phiếu lấy ý kiến bằng văn bản đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT thể hiện định hướng phát triển và phù hợp với tình hình thực tế quản lý và điều hành của Công ty.
- HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định theo đúng trình tự và tuân thủ quy định của Pháp luật, quy chế, quy định hiện hành của Công ty.
- Các ủy viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ theo phân công, phân cấp quản lý và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về các quyết định của mình trong chỉ đạo điều hành. Tham gia các phiên họp của HĐQT, phát huy vai trò trách nhiệm của từng ủy viên, về cơ bản các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự nhất trí cao.

Giám sát hoạt động điều hành của Công ty:

Năm 2009 Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra giám sát công tác điều hành hoạt động tại công ty mẹ và 02 công ty thành viên về việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Giám sát việc ban hành và thực hiện các quy chế quản lý (Quy chế quản lý tài chính, quy chế phân phối tiền lương thưởng, quy chế quản lý công nợ...) và các định mức chi phí... Kiểm tra độ tin cậy của số liệu báo cáo tài chính, khả năng thanh toán của các khoản công nợ phải thu, phải trả. Nhìn chung qua kết quả kiểm tra, giám sát về cơ bản Ban giám đốc điều hành của công ty mẹ và 02 công ty thành viên đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật và các nội quy, quy chế đã ban hành.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty:

1.1 Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam

- Địa chỉ: Số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 04.3851 2603 - Fax : 04.3851 9203
- Tỷ lệ nắm giữ: 51,92% vốn điều lệ

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ:

2.1 Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Thương mại Vitaco

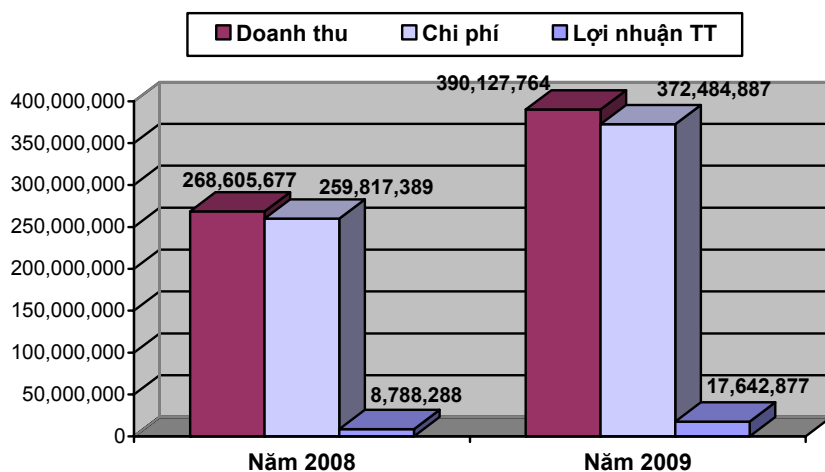
- Địa chỉ: 12 Lê Duẩn, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3822 7116 - Fax: (08) 3823 4623
- E-mail: vitacosaigon@vnn.vn
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường thủy nội địa; Đại lý hàng hải, môi giới hàng hải; Dịch vụ cung ứng, lai dắt tàu biển, dịch vụ logistic; Sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Dịch vụ xử lý nước thải; Cho thuê phương tiện vận tải xăng dầu đường thủy; Đại lý kinh

doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu; Mua bán vật tư thiết bị phụ tùng chuyên ngành vận tải biển.

- Vốn điều lệ: 40.000.000.000đ
Trong đó: 100% vốn của Công ty mẹ
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2008 – 2009:

Đ/vị: 1.000đ

Các chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% so với 2008
Tổng doanh thu	268,605,677	390,127,764	145,24
Tổng chi phí	259,817,389	372,484,887	143,36
Lợi nhuận trước thuế	8,788,288	17,642,877	200,75



2.2 Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng

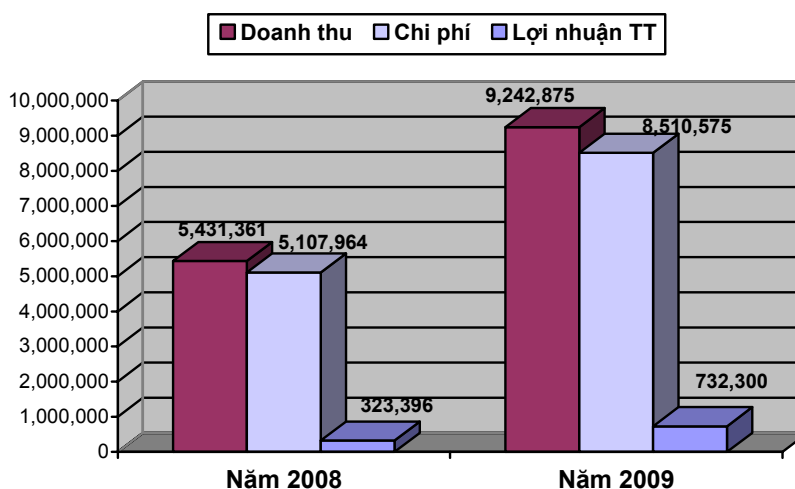
- Địa chỉ: Lô B4-12 và B4-13 Ngô Quyền – Sơn Trà – Tp.Đà Nẵng
- Điện thoại: (0511) 3932 627 - Fax: (0511) 3932 526
- E-mail: vitacodanang@vnn.vn
- Ngành nghề kinh doanh: Vận tải xăng dầu các loại bằng đường biển; Các hoạt động dịch vụ vận tải; Sửa chữa bảo dưỡng tàu biển; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển; Môi giới thương mại, ủy thác mua bán, xuất nhập khẩu hàng hóa; Buôn bán sắt thép và các kim loại khác; Bán buôn nông lâm sản, nguyên liệu chưa chế biến và sơ chế; Góp vốn kinh doanh, mua bán cổ phần; Cho thuê phương tiện vận tải xăng dầu đường thủy; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng; Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển, đường không và đường bộ, đại

lý vận tải, dịch vụ logistics; Đại lý làm thủ tục hải quan, dịch vụ khai thuế hải quan; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách bằng đường bộ và đường thủy.

- Vốn điều lệ: 15.000.000.000đ
Trong đó: 100% vốn của Công ty mẹ
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2008 – 2009:

Đ/vị: 1.000đ

Các chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% so với 2008
Tổng doanh thu	5,431,361	9,242,875	170,17
Tổng chi phí	5,107,964	8,510,575	166,61
Lợi nhuận trước thuế	323,396	732,300	226,44

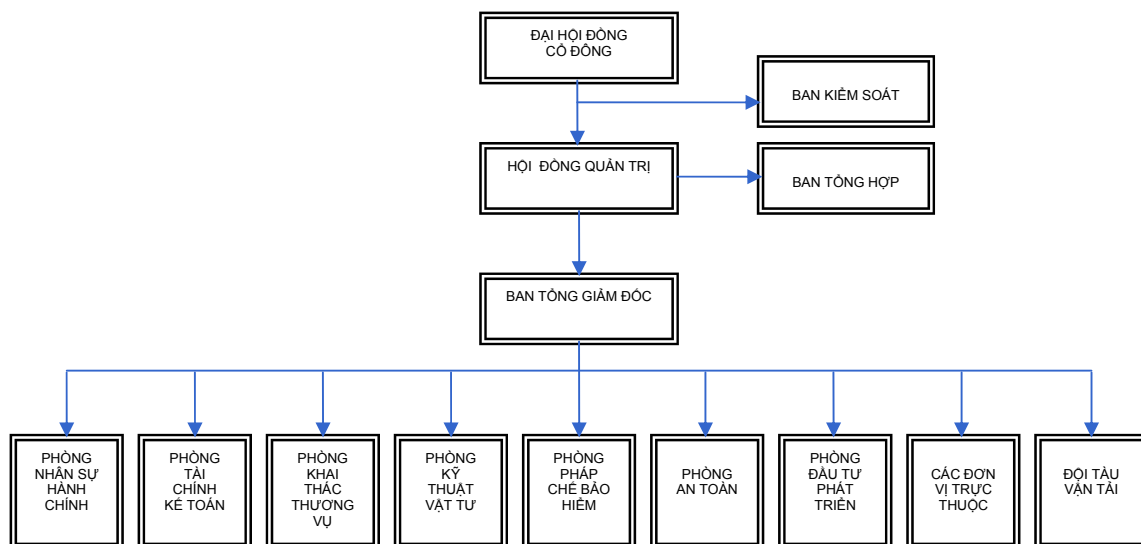


VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

- Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và 07 phòng ban, 02 Công ty TNHH một thành viên và đội tàu vận tải biển;
- Trong năm 2009 tuyển dụng 52 lao động : 02 trình độ trên đại học, 21 trình độ đại học, 20 trình độ trung cấp và 09 công nhân kỹ thuật. Giải quyết chế độ cho 10 lao động hưu trí, 11 người chấm dứt hợp đồng lao động.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

✧ Ông Lưu Văn Thắng – Tổng Giám đốc

Năm sinh:	19/11/1956
Nơi sinh:	Nam Định
Số CMND:	022788399, ngày cấp 19/04/2006, nơi cấp CA Tp.HCM
Địa chỉ thường trú:	62/5 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hàng hải-Thuyền trưởng hạng 1-Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Từ 1974 đến 1988	Sỹ quan Quân Đội Nhân dân Việt Nam
Từ 1988 đến 1998	Thuyền phó 1-Thuyền trưởng tàu biển Công ty VITACO
Từ 1999 đến 2001	Trưởng phòng TCCB-LĐTL-HC Công ty VITACO
Từ 12/2001 đến 2006	Phó Giám đốc / Giám Đốc Công ty VITACO
Từ 2006 đến nay	Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
Chức vụ hiện tại:	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải xăng dầu VITACO

✧ Ông Nguyễn Công Định – Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 10/08/1952
Nơi sinh: Hà Tĩnh
Số CMND: 023748746, ngày cấp 01/12/1999, nơi cấp CA Tp.HCM
Địa chỉ thường trú: 43 Lê Quang Định, P. 14, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện- Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
Từ 1968 đến 1972 Đại đội trưởng TNXP Chống Mỹ cứu nước tập trung
Từ 1973 đến 1981 Học tập tại trường Văn hóa Bộ GT; ĐH Hàng Hải VN
Từ 1982 đến 1991 Điện trưởng tàu biển Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
Từ 1992 đến 2000 Trưởng phòng TCCB-LĐTL-HC
Từ 2001 đến 2006 Phó Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Công ty
Từ 2006 đến nay Phó Tổng Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Công ty
Chức vụ hiện tại: Bí thư Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc - Ủy viên HĐQT Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO

✧ Ông Đàm Xuân Trọng – Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 04/05/1954
Nơi sinh: Thái Bình
Số CMND: 024269091, ngày cấp 24/09/2004, nơi cấp CA Tp.HCM
Địa chỉ thường trú: 154 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học Tài chính- Kế toán Hà nội
Quá trình công tác:
Từ 1972 đến 1975 Sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam
Từ 1975 đến 1981 Học trường ĐH Tài chính- Kế toán Hà Nội
Từ 1981 đến 1993 Phó phòng / Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I - Hải Phòng
Từ 1993 đến 1995 Kế toán trưởng Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu
Từ 1995 đến 2006 Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
Từ 2006 đến nay Phó Tổng giám đốc Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO

✧ Ông Trương Văn Minh – Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 13/01/1958
Nơi sinh: Hà Nội
Số CMND: 024354981, ngày cấp 16/06/2005, nơi cấp CA Tp.HCM
Địa chỉ thường trú: 15/7 Đoàn Như Hải – Phường 12 – Quận 4 – Tp.HCM
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy – Máy trưởng hạng 1
Quá trình công tác:
Từ 1982 đến 1997 Kỹ sư máy tàu biển Cty Vietfracht (Hà Nội); Cty Sài Gòn Ship
Từ 1997 đến 2005 Kỹ sư máy tàu biển Công ty VITACO
Từ 2005 đến 2006 Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư Công ty CP Âu Lạc
Từ 2006 đến 2007 Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Cty CP Vận tải VITACO
Từ 11/2007 đến nay Phó Tổng Giám đốc Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO

✧ Bà Phạm Lý Trang Khanh - Kế toán trưởng

Năm sinh: 19/10/1971
Nơi sinh: An Giang
Số CMND: 024240709, ngày cấp 27/02/2004, nơi cấp CA Tp.HCM
Địa chỉ thường trú: 24/5/17 D3 Cư xá Văn Thánh, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
- Từ 1994 – nay Chuyên viên / Trưởng phòng TCKT Công ty TNHH MTV TM DV VITACO / Phó phòng TCKT / Kế toán trưởng Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO

3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: không có**4. Quyền lợi của Ban Tổng giám đốc**

Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác của Ban Tổng giám đốc:

- ✧ Lương Tổng giám đốc trung bình: 28.500.000đ
- ✧ Lương Phó Tổng giám đốc trung bình: 23.500.000đ
- ✧ Thưởng theo quy chế trả lương, thưởng của Công ty.

✧ Thường Ban điều hành: Không.

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động :

a. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty

- Số lao động tại thời điểm hiện tại (31/12/2009): 481 người.
- Cơ cấu lao động phân theo trình độ học vấn và tính chất lao động (trực tiếp/gián tiếp, quản lý/phục vụ)

Cơ cấu lao động	Nam	Nữ
1 Phân theo trình độ học vấn	443	38
1.1 Trên Đại học	3	2
1.2 Đại học	209	29
1.3 Trung cấp	109	2
1.4 Công nhân kỹ thuật	122	5
2 Phân theo phân công lao động	443	38
2.1 Hội đồng quản trị/Ban Tổng GD	5	
2.2 Lao động quản lý	22	8
2.3 Lao động trực tiếp	363	
2.4 Lao động gián tiếp	53	30

b. Các chính sách đối với người lao động:

Chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Công ty đã xác định chiến lược phát triển kinh doanh phải gắn liền sự phát triển nguồn nhân lực;
- Sắp xếp bố trí, điều động lao động hợp lý giữa Công ty và các Công ty con;
- Tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện sĩ quan, thuyền viên và lao động theo kế hoạch từng năm để đáp ứng nhu cầu phát triển của đội tàu và các yêu cầu của Công ước quốc tế, tăng cường bổ sung cán bộ có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm cho các phòng ban của công ty;
- Có chính sách đào tạo phù hợp, xây dựng chương trình, kế hoạch huấn luyện, thực tập cho từng chức danh được đào tạo. Có chế độ ưu đãi đặc biệt khuyến khích người lao động thi đua học tập, bồi dưỡng nâng cao tay nghề.

Chính sách tiền lương, tiền thưởng

Định hướng tiền lương, tiền thưởng phân phối cho người lao động phải tương xứng với chức danh và kết quả làm việc của người lao động trong từng bộ phận công tác; Tiền lương, tiền thưởng thực sự là đòn bẩy kinh tế kích thích người lao động phấn đấu tăng năng suất lao động và có trách nhiệm với công việc. Đồng thời tạo môi

trường làm việc thuận lợi và có cơ hội thăng tiến để họ thực sự cống hiến hết mình cho sự phát triển của Công ty.

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

- Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Bộ Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể;
- Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên, tạo môi trường công tác thuận lợi cho người lao động;
- Thực hiện chế độ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, hạn chế đến mức thấp nhất các bệnh nghề nghiệp.

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/Chủ tịch, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

✧ ***Thay thế thành viên Hội đồng quản trị:***

- Từ ngày 03/04/2009, Ông Phạm Đức Thắng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT

✧ ***Thay thế thành viên BKS:***

- Từ ngày 03/04/2009, Ông Nguyễn Tiến Dũng thay Ông Trần Văn Tiến giữ chức Trưởng Ban kiểm soát

✧ ***Thay Kế toán trưởng:***

- Từ ngày 01/04/2009, Bà Phạm Lý Trang Khanh được bổ nhiệm làm kế toán trưởng thay Ông Nguyễn Tiến Dũng.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban Kiểm soát Công ty.

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty năm 2009 gồm 7 người, trong đó 5 thành viên điều hành và 2 thành viên độc lập không điều hành, cụ thể:

- a. Ông Phạm Đức Thắng, Chủ tịch HĐQT Công ty. Trưởng nhóm đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty XD VN tại VITACO.
Chức vụ hiện nay : Trưởng phòng Xuất nhập khẩu, Tổng công ty Xăng dầu VN.
- b. Ông Lưu Văn Thắng, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty. Thành viên nhóm đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty XD VN tại VITACO
Chức vụ hiện nay : Tổng giám đốc, Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO.
- c. Ông Nguyễn Công Định, Ủy viên HĐQT Công ty. Thành viên nhóm đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty XD VN tại VITACO.
Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc, Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO.
- d. Ông Đàm Xuân Trọng, Ủy viên HĐQT Công ty. Thành viên nhóm đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty XD VN tại VITACO.

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc, Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO.

- e. Ông Trương Văn Minh, Ủy viên HĐQT Công ty.

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc, Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO.

- f. Ông La Văn Út, Ủy viên HĐQT Công ty. Là thành viên không điều hành.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng NS-HC, Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO.

- g. Ông Nguyễn Văn Học, Ủy viên HĐQT Cty. Là thành viên độc lập không điều hành.

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Cty Liên doanh Castrol BP PETCO Ltd.

1.2 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát Công ty

Ban kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên:

- a. Ông Nguyễn Tiến Dũng, Trưởng Ban kiểm soát Công ty (chuyên trách).

- b. Ông Phạm Văn Trương, Thành viên BKS Công ty.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Khai thác – Thương vụ, Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO.

- c. Bà Nguyễn Thị Thu, Thành viên BKS Công ty.

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng phòng Kế toán – Tài chính, Công ty Xăng dầu Khu vực 2.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Ngày 03/04/2009, HĐQT họp phiên đầu tiên năm 2009 bầu:

Chủ tịch HĐQT : Ông Phạm Đức Thắng.

Phó chủ tịch HĐQT : Ông Lưu Văn Thăng.

Năm 2009, HĐQT họp 04 phiên thường kỳ và 04 phiên bất thường. Ban hành 01 bản Quy chế hoạt động của HĐQT và 10 nghị quyết định hướng, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty bao gồm :

- Nâng cao năng lực vận tải của đội tàu (tăng ngày tàu tốt và ngày vận doanh), mở rộng thị phần (nguồn hàng và tuyến đường);
- Rà soát, kiểm soát và tiết giảm tối đa các chi phí chạy tàu (nhiên liệu chạy máy, vật tư-phụ tùng thay thế);
- Tăng cường công tác An toàn và Kiểm tra an toàn. Nâng cao khả năng đáp ứng và hoàn thiện công tác vetting tàu;
- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện sỹ quan-thuyền viên có trình độ đáp ứng yêu cầu vận hành các trang thiết bị hiện đại và tác nghiệp an toàn trên các tàu hoạt động viễn dương, phù hợp với những yêu cầu của hệ thống an toàn quốc tế;
- Cơ cấu lại tổ chức bộ máy làm việc, thiết lập quy trình tuyển dụng chuyên nghiệp;
- Điều chỉnh, xây dựng quy chế trả lương cho người lao động theo nguyên tắc trả lương theo hiệu quả công việc và thu hút người lao động có trình độ tay nghề cao;
- Chỉ đạo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty từ 600 tỷ lên 800 tỷ đồng.

Thành viên HĐQT độc lập không điều hành tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và thực hiện phần nhiệm vụ được quy định tại bản phân công nhiệm vụ của HĐQT.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2009, BKS họp 04 phiên thường kỳ, Tiến hành 04 đợt kiểm tra các đơn vị:
- Kiểm tra 06 tháng và 01 năm Cty TNHH 1 thành viên DV-TM VITACO (Sài Gòn).
- Kiểm tra 01 năm Cty TNHH 1 thành viên VITACO Đà Nẵng.
- Kiểm tra 01 năm Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO.

Nội dung kiểm tra :

- Thẩm định nội bộ Báo cáo quyết toán năm 2009;
- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, tính chính xác và hợp pháp của số liệu kế toán;
- Kiểm tra sự phù hợp của các văn bản do HĐQT ban hành nhằm thực hiện các chính sách, chế độ Nhà nước và Điều lệ Công ty (Nghị quyết, Quyết định, Quy chế,... và các văn bản khác);
- Kiểm tra, kiểm soát hoạt động điều hành Công ty của Ban điều hành trong việc thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế,... của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT Công ty và các quy định hiện hành khác (các chi phí, định mức kinh tế kỹ thuật, ...);
- Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản khác của Hội đồng quản trị Công ty và của Chủ tịch Công ty tại công ty con.

4. Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 03/04/2009 và mức lương bình quân tháng trong năm 2009 của người lao động văn phòng Công ty, năm 2009 Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS như sau:

Họ tên	Số người	Thu nhập b/q CBCNV/VP/1 tháng	Tổng cộng
I Hội đồng quản trị	07		458.600.000
Chủ tịch HĐQT	01	100%	74.100.000
P.Chủ tịch HĐQT	01	90%	72.500.000
Thành viên HĐQT	05	80%	312.000.000
II Ban Kiểm soát	03		93.600.000
Trưởng Ban kiểm soát	01	80%	15.600.000
Thành viên BKS	02	50%	78.000.000
III Ban tổng hợp HĐQT	01		26.325.000

Nguyễn thị Hoài Thu	01	40%	26.325.000
Tổng cộng (I+II+III)			578.175.000

5. Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Họ tên	Chức danh
1. Lưu Văn Thắng	P.Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc
2. Trương Văn Minh	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc
3. La Văn Út	Thành viên HĐQT
4. Nguyễn Văn Học	Thành viên HĐQT

6. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT, Ban kiểm soát:

Họ tên người sở hữu CK	Số lượng CP ngày 02/03/2009	Tỷ lệ (%)	Số lượng CP ngày 19/03/2010	Tỷ lệ (%)
Hội đồng quản trị				
1. Phạm Đức Thắng	0	0	0	0
<i>Đại diện cho: Tổng Cty XDVN</i>	30.600.000	51,00	41.465.217	51,92
2. Lưu Văn Thắng	154.350	0,26	211.455	0,27
3. Nguyễn Công Định	35.400	0,059	47.970	0,06
4. Đàm Xuân Trọng	22.500	0,0375	31.640	0,0396
5. Trương Văn Minh	3.300	0,0055	5.622	0,007
6. La Văn Út	151.650	0,25	206.647	0,26
7. Nguyễn Văn Học	46.480	0,078	62.983	0,079
Cộng	413.680	0,69	566.317	0,716
Ban kiểm soát				
1. Nguyễn Tiến Dũng	30.000	0,05	6.776	0,008
2. Phạm Văn Trương	17.550	0,029	24.930	0,31
Cộng	47.550	0,079	31.706	0,318

7. Trong năm 2009, Ban kiểm soát có tiến hành giao dịch như sau:

- Ông Nguyễn Tiến Dũng – Trưởng Ban kiểm soát bán 25.000 cổ phần VTO

8. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan tới thành viên HĐQT, Ban kiểm soát:

Người giao dịch	Chức vụ/Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cổ phiếu giao dịch
1. Phạm Đức Thắng	Chủ tịch		
2.1 Phan T Bích Thu	Vợ	Mua	5.000
2. Lưu Văn Thắng	P.Chủ tịch		
2.1 Hà thị Nga	Vợ	Mua	91.610
2.2 Lưu Văn Chung	Em	Mua	9.140
3. Đàm Xuân Trọng	Thành viên HĐQT		
3.1 Ng thị Như Ngọc	Vợ	Mua	2.663
4. La Văn Út	Thành viên HĐQT		
4.1 Trần thị Tố Uyên	Vợ	Mua	26.630
Tổng cộng			135.043

9. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (theo danh sách chốt ngày 19/03/2010)

9.1 Cơ cấu cổ đông

Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
TỔNG SỐ CỔ PHẦN	79.866.666	100,00
Cơ cấu cổ đông trong nước	75.900.500	95,04
• Cổ đông tổ chức	43.561.137	54,54
• Cổ đông sở hữu trên 5%	41.465.217	51,92
• Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	814.960	1,02
• Cổ đông sở hữu dưới 5%	1.280.960	1,60
• Cổ đông cá nhân	31.939.363	40,00
• Cổ phiếu quỹ	400.000	0,50
Cơ cấu cổ đông nước ngoài	3.966.166	4,96
• Cổ đông Tổ chức	3.594.835	4,50
• Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	3.198.283	4,00
• Cổ đông sở hữu dưới 5%	396.552	0,50
• Cổ đông cá nhân	371.331	0,46

9.2 Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	SL cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	0106001024	Số 1 Khâm Thiên Hà Nội	41.465.217	51,92%
Tổng cộng			41.465.217	51,92%

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
P.CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK TP.HCM

LƯU VĂN THẮNG